

**Công ty Cổ phần DATVIET VAC
Group Holdings và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2026



Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings
Báo cáo của Ban Giám Đốc

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0315744468 ngày 20 tháng 9 năm 2019
0315744468 (điều chỉnh lần 12) ngày 13 tháng 2 năm 2026

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (trước ngày 1 tháng 7 năm 2025) và Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (từ ngày 1 tháng 7 năm 2025) cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Bá Thành	Chủ tịch
Ông Đào Văn Kính	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Trọng Khải	Thành viên
Ông Thng Tien Tat	Thành viên
Ông Ngô Thế Triệu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Kính	Tổng Giám đốc (từ ngày 13 tháng 2 năm 2026)
Ông Đinh Bá Thành	Tổng Giám đốc (đến ngày 12 tháng 2 năm 2026)
Ông Hoàng Trọng Khải	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo Pháp luật**

Ông Đào Văn Kính	Tổng Giám đốc (từ ngày 13 tháng 2 năm 2026)
Ông Đinh Bá Thành	Tổng Giám đốc (đến ngày 12 tháng 2 năm 2026)

Trụ sở đăng ký

Số 222 Đường Pasteur
Phường Xuân Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2026

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2026 VND	1/1/2026 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.858.949.752.756	1.858.625.021.087
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	266.593.765.367	398.422.633.515
Tiền	111		190.693.765.367	209.300.633.515
Các khoản tương đương tiền	112		75.900.000.000	189.122.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		697.182.000.000	476.160.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	697.182.000.000	476.160.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		845.524.778.727	950.649.152.632
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	533.321.380.522	736.454.135.408
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	12.382.182.249	30.518.891.195
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	64.600.000.000	64.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	242.441.793.909	126.296.703.982
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(7.220.577.953)	(7.220.577.953)
Hàng tồn kho	140	11	14.202.774.896	13.528.893.730
Hàng tồn kho	141		14.202.774.896	13.528.893.730
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.446.433.766	19.864.341.210
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	22.508.923.412	12.147.161.447
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.880.881.680	5.834.891.348
Thuế phải thu Nhà nước	153		56.628.674	1.882.288.415
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		138.109.774.594	47.113.314.249
Các khoản phải thu dài hạn	210		21.731.721.511	21.731.721.511
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	21.731.721.511	21.731.721.511
Tài sản cố định	220		5.449.585.449	6.208.694.237
Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.489.347.539	5.182.944.056
<i>Nguyên giá</i>	222		43.109.906.459	42.998.966.644
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38.620.558.920)	(37.816.022.588)
Tài sản cố định vô hình	227	13	960.237.910	1.025.750.181
<i>Nguyên giá</i>	228		9.148.322.983	9.148.322.983
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.188.085.073)	(8.122.572.802)
Tài sản dở dang dài hạn	240		89.004.046.000	305.346.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	89.004.046.000	305.346.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		693.402.000	693.402.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	16	693.402.000	693.402.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản dài hạn khác	260		21.231.019.634	18.174.150.501
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	11.875.000.000	6.522.603.806
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9.356.019.634	11.651.546.695
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.997.059.527.350	1.905.738.335.336
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		961.555.290.325	987.148.997.995
Nợ ngắn hạn	310		958.414.848.692	982.495.834.230
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	166.024.293.173	266.852.093.723
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31.795.890.195	1.895.272.554
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	8.155.365.242	63.727.253.547
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	152.991.748.531	189.279.798.136
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	112.666.226.698	55.479.579.485
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	58.660.781.449	21.823.064.299
Vay ngắn hạn	320	22	428.120.543.404	383.438.772.486
Nợ dài hạn	330		3.140.441.633	4.653.163.765
Phải trả dài hạn khác	337		-	9.835.000
Dự phòng dài hạn	342		3.140.441.633	4.643.328.765
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.035.504.237.025	918.589.337.341
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.035.504.237.025	918.589.337.341
Vốn cổ phần	411	23	1.002.680.000.000	772.451.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.002.680.000.000	772.451.640.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		216.799.560	216.799.560
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.821.488.595	138.221.830.172
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.721.239.106	(70.955.791.652)
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này	421b		7.100.249.489	209.177.621.824
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.785.948.870	7.699.067.609
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.997.059.527.350	1.905.738.335.336

Ngày 15 tháng 4 năm 2026

Người lập:

Nhm

Nguyễn Hạnh Uyên Trâm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

[Signature]

Đào Văn Kinh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2026

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	624.704.087.347	753.439.475.412
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	11.887.833.459	672.960.180
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	612.816.253.888	752.766.515.232
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	536.024.426.575	651.455.988.507
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		76.791.827.313	101.310.526.725
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	12.207.983.255	6.948.297.931
Chi phí tài chính	22	28	5.666.836.639	4.449.365.739
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.471.289.676	4.005.015.114
Chi phí bán hàng	25	29	2.807.671.656	12.669.159.019
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	66.007.135.821	79.634.838.658
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.518.166.452	11.505.461.240
Thu nhập khác	31		346.521.716	2.521.883.548
Chi phí khác	32		975.527.429	656.450.958
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(629.005.713)	1.865.432.590
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.889.160.739	13.370.893.830
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.777.832.148	13.337.513.818
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.924.197.841	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		7.187.130.750	33.380.012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

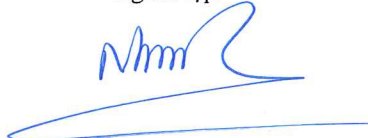
Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		7.187.130.750	33.380.012
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu Công ty	61		7.100.249.489	1.459.437.976
Cổ đông không kiểm soát	62		86.881.261	(1.426.057.964)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	75	10

Ngày 15 tháng 4 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Hạnh Uyên Trâm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đào Văn Kính
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Từ 1/1/2026 đến	Từ 1/1/2025 đến
	số	minh	31/3/2026	31/3/2025
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		13.889.160.739	13.370.893.830
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		870.048.603	14.348.359.545
Các khoản dự phòng	03		(1.502.887.132)	1.254.530.300
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(62.224.433)
Lãi tiền gửi và lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(11.854.937.593)	(5.512.873.147)
Chi phí lãi vay	06		5.471.289.676	4.005.015.114
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.872.674.293	27.403.701.209
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		44.705.443.351	111.592.835.824
Biến động hàng tồn kho	10		(673.881.166)	11.896.083.986
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(21.888.649.041)	(14.385.782.939)
Biến động chi phí trả trước	12		(15.714.158.159)	(2.314.503.620)
			13.301.429.278	134.192.334.460
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.768.435.213)	(4.408.445.380)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(45.136.860.092)	(57.833.715.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(41.603.866.027)	71.950.173.508

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(37.659.639.815)	(84.120.370)
Tiền chi cho vay, gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(502.500.000.000)	(209.600.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay, thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		281.478.000.000	165.056.080.273
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		14.274.866.776	5.354.474.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(244.406.773.039)	(39.273.565.639)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận góp vốn	31		110.000.000.000	748.460.000
Tiền thu từ đi vay	33		394.656.814.730	265.368.182.956
Tiền trả nợ gốc vay	34		(349.975.043.812)	(299.789.416.411)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát	36		(500.000.000)	(82.168.257.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		154.181.770.918	(115.841.030.505)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(131.828.868.148)	(83.164.422.636)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		398.422.633.515	474.044.554.258
Chênh lệch tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	266.593.765.367	390.880.131.622

Ngày 15 tháng 4 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Hạnh Uyên Trâm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đào Văn Kính
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 9 công ty con sở hữu gián tiếp (1/1/2026: 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 9 công ty con sở hữu gián tiếp), chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	31/3/2026 % quyền biểu quyết	1/1/2026 % quyền biểu quyết	sở hữu
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần DATVIET VAC Entertainment (“DVMEG”)	Cung cấp các dịch vụ quảng cáo, tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính – kế toán), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	99%	99%	99%
2	Công ty Cổ phần DATVIET VAC Digital Ventures (“DVDV”)	Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	99%	99%	99%
3	Công ty Cổ phần DATVIET VAC Media (“DVVM”)	Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp lý), nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	99%	99%	99%
4	Công ty Cổ phần Vie Board	Dịch vụ quảng cáo.	0.9%	0.88%	0.9%
			0.88%	0.9%	0.88%

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	31/3/2026		1/1/2026	
			% quyền biểu quyết	sở hữu	% quyền biểu quyết	sở hữu
Công ty con sở hữu gián tiếp						
1	Công ty Cổ phần Dong Tay Promotion ("DTP") (i)	Cung cấp quảng cáo thương mại, quảng cáo ngoài trời và quảng cáo qua các phương tiện truyền thông, cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	99%	98.01%	99%	98.01%
2	Công ty Cổ phần VIE CHANNEL ("VIE CHANNEL") (i)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình; cung cấp dịch vụ hậu kỳ, tổ chức các hoạt động giới thiệu và xúc tiến thương mại; và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	99%	98.01%	99%	98.01%
3	Công ty Cổ phần Nomad Management Vietnam ("NOM") (i)	Cung ứng diễn viên, người mẫu và lao động các ngành nghệ thuật, tổ chức sự kiện, giới thiệu và xúc tiến thương mại.	99%	98.01%	99%	98.01%
4	Công ty Cổ phần Vie Network ("VIE Network") (i)	Sản xuất phần mềm; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, video, chương trình truyền hình; hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc; hoạt động viễn thông; hoạt động công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan; công nghệ thông tin; hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính; hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.	99%	98.01%	99%	98.01%

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	31/3/2026		1/1/2026	
			% quyền biểu quyết	sở hữu	% quyền biểu quyết	sở hữu
5	Công ty Cổ phần Vie IP ("VIE IP") (i)	Tổ chức các hoạt động giới thiệu và xúc tiến thương mại bằng việc bán hàng hóa thương hiệu, bao gồm các sản phẩm như áo thun, mũ, nhãn dán, móc khóa; cung cấp dịch vụ bản quyền tác giả, tác phẩm, hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.	99.98%	98.98%	99.98%	98.98%
6	Công ty Cổ phần Dat Viet Media ("DVM") (ii)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá) và dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	99%	98.01%	99%	98.01%
7	Công ty Cổ phần TKL ("TKL") (ii)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo thương mại và quảng cáo trên màn hình.	99%	98.01%	99%	98.01%
8	Công ty Cổ phần Dat Viet OOH ("OOH") (ii)	Cung cấp các dịch vụ quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động hậu kỳ (trừ sản xuất phim), hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình và dịch vụ bản quyền tác giả.	99%	98.01%	99%	98.01%
9	Công ty TNHH Tiếp thị và Quảng cáo Đất Việt VAC ("DDB") (ii)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo, tiếp thị và kinh doanh thương mại.	100%	98.50%	100%	98.50%

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Các công ty con sở hữu gián tiếp này là công ty con của Công ty Cổ phần DATVIET VAC Entertainment.

(ii) Các công ty con sở hữu gián tiếp này là công ty con của Công ty Cổ phần DATVIET VAC Media.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026. Tập đoàn có 540 nhân viên (1/1/2026: 625 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con. Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iii) *Lợi ích cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi lợi ích của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số hoặc thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lỗ lũy kế thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) *Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung*

Hợp nhất kinh doanh, trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này nằm ngoài phạm vi áp dụng của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc chuyển tiếp”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty hợp nhất được hợp nhất dựa trên giá trị sổ sách hiện hữu. Chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị của tài sản thuần được hợp nhất được xem như là sự phân phối hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị thuần hợp lý của tài sản tại ngày mua được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế trong vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của tập đoàn đã tồn tại theo quan điểm của Cổ đông Kiểm soát trong suốt các năm được trình bày hoặc khi các công ty được thành lập vào ngày muộn hơn thời điểm bắt đầu của những năm đầu tiên được trình bày, trong khoảng thời gian từ ngày thành lập đến cuối kỳ báo cáo liên quan.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con trong năm được quy đổi sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên ba tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho gồm các loại sau:

(i) Bản quyền chương trình và phim được mua

Bản quyền chương trình và phim được mua phản ánh chi phí mua cho một khoảng thời gian phát sóng nhất định và được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá mua tại thời điểm nhận được nội dung chương trình và phim từ các đối tác và nhà cung cấp.

(ii) Phim sản xuất

Các phim đã sản xuất hoặc vẫn đang trong quá trình sản xuất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh chi phí trực tiếp và chi phí liên quan phát sinh để hoàn thành bộ phim.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thời lượng quảng cáo

Thời lượng quảng cáo dưới hình thức điện tử hay in ấn thể hiện thời lượng được mua hoặc nhận do ưu đãi từ các chủ sở hữu truyền thông nhưng chưa được phát sóng hoặc đăng báo tại ngày báo cáo. Giao dịch trao đổi được xác định theo giá trị thị trường của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận được. Giá trị thị trường được xác định bằng các thỏa thuận được thực hiện với các khách hàng khác cho cùng loại giao dịch.

(iv) Chương trình sản xuất

Các chương trình đã sản xuất hoặc vẫn đang trong quá trình sản xuất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh chi phí sản xuất hoặc mua các chương trình trò chơi chưa phát sóng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập để bù đắp cho khoản lỗ ước tính phát sinh do giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn, dựa trên bằng chứng thích hợp về việc giảm giá trị tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 7 năm.

(ii) Chương trình phát sóng

Nguyên giá của chương trình phát sóng bao gồm toàn bộ chi phí nghiên cứu, mua bản quyền định dạng, tiền kỳ, sản xuất và hậu kỳ và thuộc sở hữu của Tập đoàn để đưa vào sử dụng kinh doanh. Chương trình phát sóng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ lúc bắt đầu phát sóng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc dưới hình thức chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc khoảng thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tư vấn triển khai SAP
- Công cụ và dụng cụ đưa vào sản xuất và có thời hạn sử dụng trên một năm;
- Chi phí vận hành kênh; và
- Chi phí thuê và xây dựng bảng hiệu.

(i) Chi phí tư vấn triển khai SAP

Chi phí tư vấn triển khai SAP được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(iii) Chi phí vận hành kênh

Chi phí vận hành kênh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

(iv) Chi phí thuê và xây dựng bảng hiệu

Chi phí thuê và xây dựng bảng hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần thuộc vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản nhận được hoặc phải thu, không bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các tiêu chí ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức thực tế của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền mặt	5.135.102.136	5.140.118.233
Tiền gửi ngân hàng	185.558.663.231	204.160.515.282
Các khoản tương đương tiền (i)	75.900.000.000	189.122.000.000
	266.593.765.367	398.422.633.515
	266.593.765.367	398.422.633.515

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng VND.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng VND.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	101.632.819.411	133.599.954.904
Công ty Cổ phần VieON	54.959.149.639	54.203.632.317
Công ty TNHH Truyền thông WPP	32.542.827.483	44.875.514.829
Công ty Cổ phần Truyền thông HK Group	30.985.314.894	27.735.228.645
Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam	28.959.364.599	45.748.986.640
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	18.952.062.485	17.537.030.732
Các khách hàng khác	265.289.842.011	412.753.787.341
	533.321.380.522	736.454.135.408
	533.321.380.522	736.454.135.408

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần VieON	54.959.149.639	54.203.632.317
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	18.952.062.485	17.537.030.732
Công ty Cổ phần Vie Digital	5.597.645.609	5.597.645.609
Công ty Cổ phần AI ACTIV	1.975.539.867	1.975.539.867
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không tính lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Đài Phát thanh và Truyền hình – Thành phố Hồ Chí Minh	11.403.702.838	-
Trung tâm Dịch vụ Truyền hình – Thành phố Hồ Chí Minh	-	16.599.126.668
Đài Truyền hình và Phát thanh Vĩnh Long	-	9.821.494.922
Các nhà cung cấp khác	978.479.411	4.098.269.605
	<hr/>	<hr/>
	12.382.182.249	30.518.891.195
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Lãi suất	31/3/2026	1/1/2026
	năm	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>			
Công ty Cổ phần AI ACTIV	4.7% - 8.0%	51.600.000.000	51.600.000.000
Công ty Cổ phần VIEON	4.7% - 8.0%	13.000.000.000	13.000.000.000
		<hr/>	<hr/>
		64.600.000.000	64.600.000.000
		<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo và có thời gian đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày cho vay.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	148.799.747.546	5.111.533.925
Phải thu về chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết	30.714.000.000	30.714.000.000
Phải thu cổ tức	10.369.686.736	10.369.686.736
Lãi tiền gửi và cho vay	2.881.133.151	5.301.062.334
Ký quỹ, ký cược	1.422.656.173	52.635.268.754
Phải thu về chiết khấu doanh số	-	10.549.002.962
Phải thu khác	48.254.570.303	11.616.149.271
	242.441.793.909	126.296.703.982

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phải thu về chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết	20.475.999.999	20.475.999.999
Khác	1.255.721.512	1.255.721.512
	21.731.721.511	21.731.721.511

(c) Phải thu khác là các bên liên quan

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần DATVIET VAC Digital Holdings (i)	51.189.999.999	51.189.999.999
Công ty Cổ Phần Vie Digital	10.369.686.736	10.369.686.736
Công ty Cổ Phần AI ACTIV	1.509.467.397	902.657.809
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	1.123.477.872	-
Công ty Cổ phần VieON	509.978.275	-
Công ty Cổ phần Vie Studio	-	51.150.000.000

(i) Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần DATVIET VAC Digital Holdings liên quan đến chuyển nhượng công ty liên kết, không có tài sản đảm bảo, không tính lãi, và có thời hạn thu hồi trong năm 2026 và 2027.

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan khác không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi ngay khi được yêu cầu hoặc theo thời hạn thanh toán của hợp đồng liên quan.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Số dư đầu kỳ	7.220.577.953	8.919.218.394
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	1.530.000.000
	7.220.577.953	10.449.218.394

11. Hàng tồn kho

	31/3/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chương trình sản xuất	11.775.765.328	-	9.408.899.730	-
Bản quyền chương trình và phim	1.621.800.000	-	1.765.200.000	-
Công cụ và dụng cụ	748.946.381	-	-	-
Phim sản xuất	56.263.187	-	2.350.144.000	-
Thời lượng quảng cáo	-	-	4.650.000	-
	14.202.774.896	-	13.528.893.730	-

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.786.953.075	2.204.529.655	35.007.483.914	42.998.966.644
Phân loại lại	4.100.415.978	(745.690.909)	(3.354.725.069)	-
Tăng trong kỳ	72.791.667	-	38.148.148	110.939.815
Số dư cuối kỳ	9.960.160.720	1.458.838.746	31.690.906.993	43.109.906.459
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	5.225.131.303	1.725.482.417	30.865.408.868	37.816.022.588
Phân loại lại	3.529.422.712	(307.166.970)	(3.222.255.742)	-
Khấu hao trong kỳ	245.141.035	40.523.299	518.871.998	804.536.332
Số dư cuối kỳ	8.999.695.050	1.458.838.746	28.162.025.124	38.620.558.920
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	561.821.772	479.047.238	4.142.075.046	5.182.944.056
Số dư cuối kỳ	960.465.670	-	3.528.881.869	4.489.347.539

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	9.148.322.983
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	8.122.572.802
Khấu hao trong kỳ	65.512.271
Số dư cuối kỳ	8.188.085.073
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.025.750.181
Số dư cuối kỳ	960.237.910

14. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản mục như sau:

	31/3/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí thuê đất	81.724.700.000	-
Tài sản gắn liền với đất	6.974.000.000	-
Phần mềm máy vi tính	305.346.000	305.346.000
	89.004.046.000	305.346.000

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí phần mềm	2.816.146.402	2.683.086.327
Chi phí thuê bảng hiệu	2.448.325.274	-
Chi phí vận hành kênh	1.022.683.952	3.722.488.122
Công cụ và dụng cụ	750.162.956	714.800.665
Khác	15.471.604.828	5.026.786.333
	<hr/>	<hr/>
	22.508.923.412	12.147.161.447
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí tư vấn triển khai SAP	11.875.000.000	5.625.000.000
Chi phí vận hành kênh	-	366.032.483
Khác	-	531.571.323
	<hr/>	<hr/>
	11.875.000.000	6.522.603.806
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

16. Đầu tư vào đơn vị khác

	31/3/2026			1/1/2026		
	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH DDB Việt Nam	10.0%	420.000.000	-	10.0%	420.000.000	-
Công ty Cổ phần Vie Board	0.9%	273.402.000	-	0.9%	273.402.000	-
		<hr/>			<hr/>	
		693.402.000	-		693.402.000	-
		<hr/> <hr/>			<hr/> <hr/>	

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/3/2026 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2026 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Truyền thông ADT	32.192.967.628	13.596.753.862
Công ty TNHH Truyền hình Cấp Saigontourist	17.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông AB	14.236.021.823	11.340.082.892
Công ty Cổ phần Vie Digital	12.739.130.248	22.064.518.443
Công ty Cổ phần AI ACTIV	8.337.666.809	5.341.542.611
Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	7.935.648.580	6.358.584.400
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	7.651.506.841	10.920.350.143
Công ty Cổ phần VieON	5.578.127.805	3.584.377.112
Công ty TNHH Winmedia	-	26.781.781.464
Các nhà cung cấp khác	60.353.223.439	148.864.102.796
	166.024.293.173	266.852.093.723

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/3/2026 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2026 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vie Digital	12.739.130.248	22.064.518.443
Công ty Cổ phần AI ACTIV	8.337.666.809	5.341.542.611
Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L	7.651.506.841	10.920.350.143
Công ty Cổ phần VieON	5.578.127.805	3.584.377.112

Các khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ/ phân loại lại trong kỳ VND	31/3/2026 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.211.381.905	2.777.832.148	(45.136.860.092)	2.477.038.922	4.329.392.883
Thuế giá trị gia tăng	14.510.815.677	51.759.768.369	(15.756.040.105)	(48.895.226.478)	1.619.317.463
Thuế thu nhập cá nhân	4.979.272.468	13.830.303.167	(16.602.920.739)	-	2.206.654.896
Thuế nhà thầu nước ngoài	23.307.858	459.259.686	(482.567.544)	-	-
Các loại thuế khác	2.475.639	-	(2.475.639)	-	-
	63.727.253.547	68.827.163.370	(77.980.864.119)	(46.418.187.556)	8.155.365.242

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí mời nghệ sĩ	101.145.152.412	129.027.856.758
Chi phí sản xuất chương trình	44.450.863.172	563.568.514
Chi phí quảng cáo	3.901.851.614	-
Phí dịch vụ mua ngoài	756.851.539	8.051.004.042
Chiết khấu doanh số	-	22.517.491.005
Chi phí sản xuất phim	-	3.529.004.699
Chi phí phải trả khác	2.737.029.794	25.590.873.118
	<hr/>	<hr/>
	152.991.748.531	189.279.798.136
	<hr/>	<hr/>

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Doanh thu nhận trước từ:		
▪ Doanh thu bán vé chương trình concert	37.198.760.518	-
▪ Dịch vụ quảng cáo	30.355.929.906	28.471.020.791
▪ Dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh truyền hình	16.703.896.271	16.703.896.271
▪ Doanh thu nhận tài trợ sản xuất chương trình	12.501.214.949	-
▪ Dịch vụ khác	15.906.425.054	10.304.662.423
	<hr/>	<hr/>
	112.666.226.698	55.479.579.485
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/3/2026	1/1/2026
	VND	VND
Thưởng doanh số	34.687.289.817	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	6.453.185.339	6.907.643.601
Cổ tức phải trả	2.922.546.091	3.422.546.091
Phải trả khác	14.597.760.202	11.492.874.607
	<hr/>	<hr/>
	58.660.781.449	21.823.064.299
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	653.291.450.000	243.314.409.330	162.621.350	88.478.612.495	34.097.666.617	1.019.344.759.792
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(196.867.196.237)	(44.604.854.396)	(241.472.050.633)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	727.300.170.000	(243.354.589.330)	-	(483.945.580.670)	-	-
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	-	292.530.000	-	-	13.414.082.000	13.706.612.000
Ảnh hưởng của việc tách Công ty	(608.139.980.000)	(252.350.000)	54.178.210	522.563.981.023	952.149.555	(84.822.021.212)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	209.177.621.824	3.840.023.833	213.017.645.657
Giảm khác	-	-	-	(1.185.608.263)	-	(1.185.608.263)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	772.451.640.000	-	216.799.560	138.221.830.172	7.699.067.609	918.589.337.341
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
(Thuyết minh 24(i))	76.765.370.000	33.234.630.000	-	-	-	110.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
(Thuyết minh 24(ii))	153.462.990.000	(33.234.630.000)	-	(120.228.360.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	7.100.249.489	86.881.261	7.187.130.750
Giảm khác	-	-	-	(272.231.066)	-	(272.231.066)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2026	1.002.680.000.000	-	216.799.560	24.821.488.595	7.785.948.870	1.035.504.237.025

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31/3/2026		1/1/2026	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	100.268.000	1.002.680.000.000	77.245.164	772.451.640.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	100.268.000	1.002.680.000.000	77.245.164	772.451.640.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	100.268.000	1.002.680.000.000	77.245.164	772.451.640.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026		Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	77.245.164	772.451.640.000	65.329.145	653.291.450.000
Phát hành cổ phiếu (i)	7.676.537	76.765.370.000	-	-
Phát hành thêm cổ phiếu (ii)	15.346.299	153.462.990.000	-	-
Số dư cuối kỳ	100.268.000	1.002.680.000.000	65.329.145	653.291.450.000

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2026/RE-GMS-DVGH ngày 16 tháng 1 năm 2026 của Công ty đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần. Ngày 26 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 7.676.537 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng tăng vốn cổ phần thêm 76.765.370.000 VND và đã hoàn tất việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp phản ánh mức vốn điều lệ mới.
- (ii) Quyết định số 02/2026/QĐ ngày 30 tháng 1 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Ngày 13 tháng 2 năm 2026, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 15.346.299 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng tăng vốn cổ phần thêm 153.462.990.000 VND và đã hoàn tất việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp phản ánh mức vốn điều lệ mới.

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Tổng doanh thu		
▪ Mảng nội dung	259.454.808.889	258.693.784.997
▪ Mảng dịch vụ truyền thông	365.249.278.458	409.347.789.690
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	-	85.397.900.725
	624.704.087.347	753.439.475.412
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(11.887.833.459)	(672.960.180)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	612.816.253.888	752.766.515.232

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Giá vốn mảng nội dung	210.076.600.795	162.388.840.658
Giá vốn mảng dịch vụ truyền thông	325.947.825.780	375.830.733.370
Giá vốn dịch vụ khác	-	113.236.414.479
	536.024.426.575	651.455.988.507

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	11.854.937.593	5.282.785.747
Lãi chênh lệch tỷ giá	353.045.662	1.665.512.184
	12.207.983.255	6.948.297.931

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Chi phí lãi vay	5.471.289.676	4.005.015.114
Lỗ chênh lệch tỷ giá và thu hồi các khoản đầu tư	195.546.963	444.350.625
	5.666.836.639	4.449.365.739

29. Chi phí bán hàng

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Dịch vụ mua ngoài	628.241.074	7.660.461.051
Chi phí nhân viên	1.197.611.256	5.008.697.968
Chi phí bán hàng khác	981.819.326	-
	2.807.671.656	12.669.159.019

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Chi phí nhân viên	46.271.861.300	55.872.209.733
Dịch vụ mua ngoài	10.289.263.419	9.105.595.664
Chi phí thuê	6.935.812.894	5.024.600.001
Chi phí khấu hao và phân bổ	796.379.429	1.682.472.711
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.713.818.779	7.949.960.549
	66.007.135.821	79.634.838.658

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	7.100.249.489	1.459.437.976

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 Cổ phiếu	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	77.245.164	65.329.145
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 24(i))	6.397.114	-
Ảnh hưởng của chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2026 (Thuyết minh 24(ii))	10.401.380	10.401.380
Ảnh hưởng của chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2025	-	72.730.017
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	94.043.658	148.460.542

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	75	10

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ của các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đinh Bá Thành <i>Từ ngày 13 tháng 2 năm 2026</i> <i>Đến ngày 12 tháng 2 năm 2026</i>	Cổ đông lớn, Chủ tịch Hội đồng quản trị Cổ đông lớn, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Kính <i>Từ ngày 13 tháng 2 năm 2026</i> <i>Đến ngày 12 tháng 2 năm 2026</i>	Cổ đông lớn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Khải MET VM Holding Pte. Ltd. TC D-Media Pte. Ltd. Công ty Cổ phần Thi Nam Phương Công ty Cổ phần Vie Studio	Cổ đông lớn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Cổ đông lớn, Phó Tổng Giám đốc Cổ đông lớn Cổ đông lớn Bên liên quan khác Bên liên quan khác

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026 VND	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025 VND
Các cổ đông lớn		
Ông Đinh Bá Thành		
Cổ tức công bố	-	93.502.246.235
Cổ tức đã trả	-	44.770.591.941
Ông Đào Văn Kính		
Cổ tức công bố	-	59.780.120.466
Cổ tức đã trả	-	28.624.145.591
Ông Hoàng Trọng Khải		
Cổ tức công bố	-	17.031.372.056
Cổ tức đã trả	-	8.154.761.361
MET VM Holding Pte. Ltd.		
Cổ tức công bố	-	26.553.457.480

Công ty Cổ phần DATVIET VAC Group Holdings và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2026 đến 31/3/2026	Từ 1/1/2025 đến 31/3/2025
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thi Nam Phương		
Chi phí thuê văn phòng	6.562.800.000	10.386.906.820
Công ty Cổ phần Vie Studio		
Chuyên nhượng đất và tài sản gắn liền với đất	88.698.700.000	-

Ngày 15 tháng 4 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Hạnh Uyên Trâm
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Đào Văn Kính
Tổng Giám đốc